SỞ Y TẾ TỈNH ĐẮK NÔNG **TRUNG TÂM** **KIỂM SOÁT BỆNH TẬT**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 32/TM-KSBT V/v mời báo giá hàng hoá (không phải thuốc) thuộc dịch vụ công năm 2025.	*Đắk Nông, ngày 17 tháng 02 năm 2025*

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam.
(Sau đây gọi tắt các đơn vị cung ứng)

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Đắk Nông có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng Kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua hàng hoá (không phải thuốc) thuộc dịch vụ công năm 2025. Trung tâm kính mời các đơn vị cung ứng quan tâm báo giá các nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Đắk Nông; địa chỉ: Đường Trần Hưng Đạo, phường Nghĩa Trung, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

2. Cách thức tiếp nhận báo giá: 01 trong 02 cách sau:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Nguyễn Thị Hồng Thắm, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Đắk Nông, đường Trần Hưng Đạo, phường Nghĩa Trung, Thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông, SĐT: 0392 047 115 (Số sử dụng cho Zalo cá nhân).

- Nhận qua email: khnv.cdcdaknong@gmail.com

3. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ ngày đăng tải đến ***trước 16g00 ngày 03/03/2025 (kể cả thứ bảy, chủ nhật)***. Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

4. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: ít nhất 90 ngày, kể từ ngày 03/03/2025 (*tính từ ngày hết thời gian nhận báo giá*). Báo giá đã tính đầy đủ Thuế, phí, lệ phí và chi phí cho các dịch vụ liên quan.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục có các Phụ lục kèm theo gồm:

- Phụ lục 1: Vật tư, dụng cụ y tế thông thường;

- Phụ lục 2: Hoá chất khử khuẩn, khử nhiễm thông thường;

- Phụ lục 3: Hóa chất diệt vector truyền bệnh Sốt xuất huyết;

- Phụ lục 4: Sinh phẩm y tế xét nghiệm HIV/AIDS.

- Phụ lục 5: Hoá chất, sinh phẩm xét nghiệm mẫu nước, thực phẩm;

- Phụ lục 6: Hàng hoá thông thường;

- Phụ lục 7: Mẫu báo giá đơn vị tham gia.

2. Địa điểm giao nhận hàng hoá, các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, bảo quản: kho Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Đắk Nông, đường Trần Hưng Đạo, phường Nghĩa Trung, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: quý II, III/2025.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Không thực hiện tạm ứng (trừ trường hợp nhà thầu đề nghị trong thương thảo được đồng ý); thanh toán khi thực hiện xong hợp đồng và cung cấp đầy đủ các loại hồ sơ, giấy tờ liên quan.

Trung tâm rất mong nhận được sự tham gia của các đơn vị cung ứng.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:
- Như trên;
- Ban Giám đốc;
- Khoa TT. GDSK đăng trang TTĐT ngành Y tế;
- Kt. Hoàng(đăng muasamcong.mpi.gov.vn);
- Lưu: VT, KHNV.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ ĐẮK NÔNG
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

Trần Vinh

PHỤ LỤC 1
Vật tư, dụng cụ y tế thông thường

(Ban hành kèm theo Thư mời báo giá số /KHNV-KSBT ngày / 02 /2025 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Đắk Nông)

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
1	Găng tay y tế có bột size S	100 cái hoặc 50 đôi/Hộp	200	Hộp
2	Găng tay y tế có bột size M	100 cái hoặc 50 đôi/Hộp	100	Hộp
3	Găng Tay Y Tế Không Bột Size M	100 cái hoặc 50 đôi/Hộp	90	Hộp
4	Găng Tay Y Tế Không Bột Size S	100 cái hoặc 50 đôi/Hộp	04	Hộp
5	Khẩu trang y tế 4 lớp	50 cái/Hộp, 4 lớp kháng khuẩn, có giấy lọc, thanh nẹp mũi: bằng nhựa hoặc kim loại. Dây đeo có tính đàn hồi.	300	Hộp
6	Khẩu trang Y tế 5 lớp	50 cái/hộp	10	Hộp
7	Trang phục PCD cấp 3	Bộ/mũ, áo, quần dạng liền + bao giày, Tấm che mặt, khẩu trang y tế hoặc tương đương, găng tay. Dùng 1 lần, bảo vệ toàn thân, đáp ứng yêu cầu kỹ thuật theo quy định tiêu chuẩn phòng hộ cá nhân tại QĐ 1341/QĐ-BYT ngày 24/5/2022	100	Bộ
8	Hộp đựng vật sắt nhọn	Hộp an toàn 5 lít	12	Hộp
9	Dây garo	Dùng để thắt mạch, hỗ trợ việc tìm mạch dễ dàng hơn	10	Cái
10	Panh kẹp bông	Cái kích thước16cm. Pank gắp thẳng không mấu dùng kẹp bông, băng hạc	3	Cái
11	Hộp chống sốc phản vệ (đầy đủ vật tư và thuốc)	Đầy đủ vật tư, thuốc để xử lí khi bị sốc phản vệ (quy định TT 51/2017/TT-BYT)	1	Hộp

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
12	Bịch đựng rác thải y tế 3 có vạch 3 màu (xanh, đen, vàng)	kích thước 50x65cm . Chống thấm, chống rò rỉ, xử lí được phương pháp đốt, vàng 2 kg, xanh và đen mỗi loại 01 kg	4	Kg
13	Đầu côn vàng	Dung tích 200ul . Đầu côn vàng, sử dụng đi kèm micropipet	3.000	cái
14	Bơm kim tiêm 3ml	100 cái/hộp, 3ml/cc 23G x 1	12	Hộp
15	Bơm kim tiêm 5ml	100 cái/hộp , 5ml/cc 23G x 1	1	Hộp
16	Bông y tế thấm nước	1kg/cuộn, Bông thấm nước, vô khuẩn	7	Kg
17	Bông tẩm cồn khô sát trùng vết tiêm	100 cái/hộp, Đã tẩm cồn	10	Hộp
18	Ống nghiệm trắng có nắp không chất chống đông	500 cái/bịch. Ống nghiệm nhựa PP, 5ml không chất chống đông, màu trắng, có nắp trắng, không nhãn	1.200	Cái
19	Màng lọc cellulose acetate 47mm	Hộp/ 100 cái . MCE 0.45um, đường kính 47mm	2	Hộp
20	Màng lọc vô trùng θ 0.45 µm	Hộp/ 100 cái. MCE 0.45um, đường kính 47mm	6	hộp
21	Phễu lọc vi sinh nút silicone	Cái Thể tích: 300ml. Dùng chung bộ lọc vi sinh; Chất liệu: thủy tinh; Có chia vạch;	3	Cái
22	Săng giấy	Túi/ 10 chiế. Kích thướt 40x50 cm	3.300	Chiếc
23	Ống nghiệm bắt muỗi rỗng hai đầu	Ống nghiệm thủy tinh, rỗng 2 đầu, đường kính 1,5cm	200	Cái
24	Thanh khuấy từ 2cm	Bọc trong chất dẻo PTFE (Teflon)	10	Cái
25	Kính lúp 70mm	1 cái/hộp. Kính lúp cầm tay, độ phóng đại 30x	5	Cái
26	Bộ kit xử lý tràn đổ hóa chất, bệnh phẩm	Dung tích 240l. Bộ dụng cụ chuyên dụng được thiết kế gồm các thành phần đáp ứng cho việc xử lí tràn đổ , rò rit, rơi vãi	1	Bộ
	Tổng: 26 khoản			

PHỤ LỤC 2
Hoá chất khử khuẩn, khử nhiễm thông thường

(Ban hành kèm theo Thư mời báo giá số /KHNV-KSBT ngày / 02 /2025 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Đắk Nông)

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
1	Chloramin B	Chloramin B 25%, 35kg/thùng	10	Thùng
2	Vôi	Vôi bột, 25 kg/bao	300	Kg
3	Phèn chua	Phèn chua Amoni nhôm sunphat dạng bột, 1 kg/túi	100	Kg
4	Cồn 95 độ	Chai 1 lít	5	Lít
5	Cồn 90 độ	Độ tinh khiết 90% C_2H_5OH, Chai/lít	4	Chai
6	Cồn 70 độ;	Ethalnol tinh luyện 70%, 1 lít/chai	7	Chai
7	Dung dịch rửa tay y tế	500ml/chai	6	Chai
	Tổng: 07 khoản			

PHỤ LỤC 3
Hóa chất diệt vector truyền bệnh Sốt xuất huyết

(Ban hành kèm theo Thư mời báo giá số /KHNV-KSBT ngày / 02 /2025 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Đắk Nông)

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
1	Hóa chất diệt muỗi hoạt chất Permethrin	1 lít/chai . Permethrin ≥ 50%; đóng chai 1 lít; được Bộ Y tế cấp phép lưu hành tự do trong lĩnh vực Y tế	500	Lít
2	Hóa chất diệt muỗi hoạt chất Deltamethrine	1 lít/chai. Deltamethrine ≥ 2%; đóng chai 1 lít; được Bộ Y tế cấp phép lưu hành tự do trong lĩnh vực Y tế	300	Lít
3	Hóa chất diệt ấu trùng muỗi	Lọ/100g. Hoạt chất Temephos 1%, đóng lọ 100g, được Bộ Y tế cấp phép lưu hành tự do trong lĩnh vực y tế	500	Lọ
	Tổng: 03 khoản			

PHỤ LỤC 4
Sinh phẩm y tế xét nghiệm HIV/AIDS

(Ban hành kèm theo Thư mời báo giá số /KHNV-KSBT ngày / 02 /2025 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Đắk Nông)

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
1	SD BIOLNE HIV1/23.0	100 cái/hộp . Xét nghiệm định tính phát Phiện kháng thể kháng HIV, bao gồm tất cả các loại kháng thể IgG, IgM, IgA. Đặc hiệu cho virus HIV-1 (gp41, p24) và HIV-2(gp36), trong mẫu huyết thanh, huyết tương và máu toàn phần.	1.000	Cái
2	DETERMINE HIV 1/2	100 cái/hộp . Độ Đặc hiệu:≥ 99.8% ; Độ Nhạy: 100%	100	Cái
3	ADVANCE QUALITY RAPID ANTI HIV1/2 TEST	50 cái/hộp. Xét nghiệm định tính phát hiện kháng thể kháng HIV. Đặc hiệu cho virus HIV-1/HIV-2, trong máu toàn phần, huyết thanh, huyết tương	100	Cái
	Tổng: 03 khoản			

PHỤ LỤC 5
Hoá chất, sinh phẩm xét nghiệm mẫu nước, thực phẩm

(Ban hành kèm theo Thư mời báo giá số /KHNV-KSBT ngày / 02 /2025 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Đắk Nông)

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
1	CCA	500g/Hộp**. Môi trường đóng gói dạng hạt** (Enzymatic digest of casein 1g; Yeast extract 2g; Sodium chloride 5g; Sodium chloride 2,2g; Di-sodium hydrogen phosphate 2,7g; Sodium pyruvate 1g; Sorbitol 1g; Tryptophan 1g; Secondary alcohol ethyloxylate surfactant 0,15g; 6-Chloro-3-indoxyl-β-D-galactopyranoside 0,2g; 5-Bromo-4-chloro-3-indoxyl-ß-D-glucuronic acid 0,1g; Isopropyl-β-D-thiogalactopyranoside (IPTG) 0,1g; Bacteriological agar 16g; pH of the ready-to-use media at 25 °C : 6,8 ± 0,2.)	1	Hộp
2	TSA	500g/Hộp**. Môi trường đóng gói dạng hạ**t; Pancreatic Digest of Casein 15g; Soy peptone 5g; Sodium Chloride 5g; Agar 15g.	1	Hộp
3	Test Oxida	50 test/ hộp. 1% tetramethyl-p-phenylenediamine dihydrochloride	3	Hộp
4	Chủng chuẩn Klepsiella aerogenes ATCC 13048 đời F3	Bộ . ATCC 13048 đời F3	1	Bộ
5	Plate count agar (PCA)	500g/Hộp. Casein peptone: 5g; Yeast Extract: 2,5g; Glucose: 1g; Agar: 9-18g	1	Hộp
6	pH 10	Chai 1L. pH = 10 giá trị pH: 9,98 - 10.02 ± 0.03 (25oC)	1	Chai
7	pH 4	Chai 1L. pH = 4 giá trị pH: 3,99 - 4,02 ± 0.02 (20oC)	1	Chai
8	pH 7	Chai 1L . pH = 7 giá trị pH: 6,99 - 7,01 ± 0.02	1	Chai
9	Mangannese standard solution 1.000ppm	chai 500ml. Dung dịch chuẩn 1000 mg/L	1	Chai

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
10	Hydroxylammonium chloride	chai 250g . Độ tinh khiết ≥ 99.0%	2	Chai
11	Formaldehyde solution 37%	chai 500ml. Formaldehyde 36,5-38 %	1	Chai
12	Amoniac	chai 1L. Nồng độ Amoniac 25-30%	1	Chai
13	Amonium iron (II) Sulfate Hexahydrate	chai 500g . Độ tinh khiết ≥ 99,0%.	1	Chai
14	Natri Hydroxyt (NaOH)	Chai 1kg . Độ tinh khiết ≥ 98,92%	1	Chai
15	Amonium acetate (CH3OONH4)	chai 500g. Độ tinh khiết ≥ 98,0%.	2	Chai
16	Axit acetic	Chai 1L. Độ tinh khiết ≥ 96%.	1	Chai
17	1.10 Phenalthroline	chai 10g . Độ tinh khiết ≥ 99.5 %.	1	Chai
18	Iron standard solution 1000mg/l Fe	Chai 100ml . Dung dịch chuẩn 1000 mg/L	1	Chai
19	Acid sulfuric	Chai 1L . Độ tinh khiết ≥ 99,0%.	1	Chai
20	Acid Nitric (HNO3)	Chai 1L . Độ tinh khiết ≥ 99,0%.	1	Chai
21	Acid phosphoric(H3PO4)	chai 1L . Nồng độ Acid phosphoric; ≥ 85%.	1	Chai
22	Sulfanilamide	chai 100g . Độ tinh khiết ≥ 99,0%.	1	Chai
23	N-(1-naphthyl)-ethylenediamine dihdrochloride	Hộp/5g . Độ tinh khiết ≥ 99,0%.	1	Hộp
24	Chuẩn Nitrit 1.000ppm (Nitrite Standard Solution)	Chai 500ml. Dung dịch chuẩn 1000 mg/L	1	Chai
25	Acid Chlohydric (HCl)	Chai 500ml. Độ tinh khiết ≥ 99,0%.	1	Chai
26	Potassium Hexa Chloroplatinate (IV) K2PtCl6	Chai 1g. Độ tinh khiết ≥ 99,90%.	2	Chai
27	Coban clorua (II) (CoCl2)	Hộp 100g. Độ tinh khiết ≥ 99,0%.	1	Hộp
28	Ammonium Chlorite (NH4Cl)	chai 500g . Độ tinh khiết ≥ 99,0%.	1	Chai
29	Ethylenedinitrilotetraaciticacimagnesium diaodiumsalf (MgEDTA)	Hộp 100g . Độ tinh khiết ≥ 99,0%.	1	Hộp

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
30	Triethanolamine (N(CH2CH2OH)2)	Chai 250ml. Độ tinh khiết ≥ 99,0%.	1	Chai
31	CaCO3	Chai 250g . Độ tinh khiết ≥ 99,0%.	1	Chai
32	Ethylene diaminetetraaetic acid disodium salf	Hộp 500g. Độ tinh khiết ≥ 99,0%.	1	Hộp
	Tổng: 32 khoản			

PHỤ LỤC 6
Hàng hoá thông thường

(Ban hành kèm theo Thư mời báo giá số /KHNV-KSBT ngày / 02 /2025 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Đắk Nông)

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
1	Đèn pin cầm tay	Gồm có:- 1 củ sạc ngoài- 1 rỏ pin AAA- 1 pin sạc ultrafire- 1 dây đeo- 1 hộp. Khả năng chống nước cực tốt, thoải mái khi đi trời mưa; Thiết kế gọn nhẹ, dễ di chuyển; công suất lên tới 1000 lumens; tuổi thọ trên 100.000 giờ	8	Cái
2	Life buoy	170ml/chai	400	Chai
3	Cốc uống nước	Nhựa	10.000	Cái
	Tổng: 03 khoản			

PHỤ LỤC 7

Mẫu báo giá (áp dụng cho hàng hoá)

Tên hãng sản xuất, nhà cung cấp: .....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh

Địa chỉ: .....

Số điện thoại:..... Mail:.....

BÁO GIÁ

Kính gửi: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Đăk Nông.

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Đắk Nông, Công ty/Doanh nghiệp, ……báo giá các dụng cụ, vật tư y tế tiêu hao, hóa chất, sinh phẩm như sau:

1. Báo giá cho các hàng hoá và dịch vụ liên quan

STT	Danh mục hàng hoá	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất	Mã HS	Năm sản xuất	Xuất xứ	Số lượng	Đơn giá[1] (VND)	Thành tiền (VND)
1	Mặt hàng A							
2	Mặt hàng B							
n	…							
Tổng cộng:								

Số tiền bằng chữ: ……...

[1] Đơn giá trên đã bao gồm Thuế, phí, lệ phí và Chi phí cho các dịch vụ liên quan.

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ……...

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các hàng hoá nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

…..., ngày…. tháng….năm….

Đại diện hợp pháp đơn vị cung ứng

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))